

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHI LĂNG  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 31-8-2021  
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con,  
nợ chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Thế Khuynh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Vy Thị Thu Trang.

Bà Ngô Thị Thu Huyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Âu Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXX-ST, ngày 06 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Vi Thị Thu H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Lương Văn T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 97 ngõ 10A đường B, khối 9, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vi Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị Thu H và anh Lương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu trong khoảng thời gian gần 02 năm. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 17/10/2016 (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C). Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn từ những việc nhỏ nhặt trong cuộc sống. Gay gắt nhất là vào sáng ngày 02/12/2020 khi anh Lương Văn T chuẩn bị đi làm, 2 vợ chồng có to tiếng về vấn đề tài chính, trong lúc cãi vã, anh T có tát chị H vào má bên trái, sau đó vợ chồng có xô xát, đánh chửi nhau tuy nhiên sự việc không báo chính quyền địa phương đến giải quyết hay lập biên bản. Sau khi sự việc xảy ra, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Từ khi ly thân, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Vi Thị Thu H xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa do vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Lương Văn T. Về con chung: Chị Vi Thị Thu H và anh Lương Văn T có 01 con chung là cháu Lương Thị Thu G, sinh ngày 20/10/2016. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung và không yêu cầu anh Lương Văn T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, yêu cầu anh Lương Văn T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền còn nợ vì tiền vay để mua đất làm nhà tại Y, hiện nay anh Lương Văn T đang quản lý, sử dụng nhà, đất nên anh phải có trách nhiệm trả nợ.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lương Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn T và chị Vi Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu trong khoảng thời gian 02 năm mới đi đến kết hôn. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 17/10/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm, đến tháng 12/2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cụ thể vào sáng ngày 02 tháng 12 năm 2020 tại nhà riêng của hai vợ chồng ở ngõ 1 thôn N1, xã Y, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn, khi anh đang chuẩn bị đi làm thì vợ chồng có to tiếng cãi vã nhau về vấn đề hoàn thiện bếp ăn của gia đình ở phía sau, trong lúc nóng giận anh có tát vợ 1 nhát vào má bên trái, sau đó vợ chồng có xô xát qua lại, tuy nhiên khi đó không gọi bất kỳ cơ quan chức năng hay chính quyền địa phương gì đến lập biên bản sự việc cả. Theo đơn khởi kiện của chị Vi Thị Thu H gửi tòa án có tài liệu kèm theo là giấy chứng nhận thương tích, anh cho rằng tài liệu này là chưa hợp lý vì thực tế sự việc vợ chồng xô xát chưa đến mức độ thương tích như giấy chứng nhận. Từ sau khi sự việc xảy ra, vợ chồng đã ly thân, chị Vi Thị Thu H yêu cầu xin ly hôn, anh không nhất trí vì hiện tại con còn nhỏ, cần có đủ tình yêu thương cả bố và mẹ nên anh có nguyện vọng vợ chồng quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái nhưng vì chị H kiên quyết ly hôn nên anh cũng chấp nhận. Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lương Thị Thu G, sinh ngày 20/10/2016. Trước cháu học tại trường mầm non 8/3, phường C, thành phố L, sau khi vợ chồng ly thân, hai vợ chồng vẫn cho cháu đi lại hai bên. Nếu trong trường hợp phải ly hôn, anh đồng ý

để chị H trực tiếp nuôi con vì hiện nay công việc, thu nhập của anh T không ổn định, anh đồng ý chưa cấp dưỡng nuôi con theo đề nghị của chị H. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Vợ chồng có vay chị Nguyễn Thị H1 350.000.000 đồng, vay năm 2017 để mua đất làm nhà, đến nay mới trả được một phần, anh T đề nghị để anh T tự trả khoản nợ này cho chị H1 vì nhà đất hiện nay anh đang quản lý, sử dụng.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H1 trình bày:

Do có quan hệ họ hàng xa với anh Lương Văn T nên ngày 19/7/2017 chị H1 có cho vợ chồng anh Lương Văn T, chị Vi Thị Thu H vay số tiền 350.000.000 đồng để mua đất, thời hạn vay là 01 tháng, khi vay có lập giấy vay tiền và không thỏa thuận về lãi suất. Sau khi vay, do công việc làm ăn không thuận lợi nên vợ chồng anh Lương Văn T, chị Vi Thị Thu H không thể trả tiền cho chị theo như giấy hẹn nhưng để tạo điều kiện cho hai vợ chồng, chị vẫn gia hạn thời hạn trả nợ cho hai vợ chồng đến nay. Quá trình từ khi vay đến nay, vợ chồng H, T đã trả cho chị 140.000.000 đồng vào năm 2018, số tiền này cả hai bên cùng thống nhất là trả vào tiền lãi phát sinh từ khi vay. Nay do thấy điều kiện anh Lương Văn T không đủ khả năng nên chị tạo điều kiện, chỉ yêu cầu anh Lương Văn T phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) là tiền gốc đã vay của chị, do chị Vi Thị Thu H không quản lý, sử dụng tài sản chung do vậy chị không yêu cầu chị H phải có trách nhiệm trả nợ.

Tại phiên tòa, chị Vi Thị Thu H và anh Lương Văn T thống nhất thỏa thuận được với nhau về điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung và thuận tình ly hôn. Về con chung: Chị Vi Thị Thu H và anh Lương Văn T thỏa thuận giao con chung là cháu Lương Thị Thu G, sinh ngày 20/10/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm hỏi con chung không ai được ngăn cản. Về tài sản chung: Chị Vi Thị Thu H và anh Lương Văn T sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị Vi Thị Thu H, anh Lương Văn T và chị Nguyễn Thị H1 thỏa thuận, anh T có trách nhiệm, nghĩa vụ trả cho chị H1 số tiền còn nợ tại thời điểm mở phiên tòa (ngày 31/8/2021) là 300.000.000 đồng. Về án phí: Các đương sự không thỏa thuận được án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về lập hồ sơ vụ án; xác định tư cách những người tham gia tố tụng; quan hệ tranh chấp; thu thập tài liệu chứng cứ; thời hạn giải quyết; thành phần Hội đồng xét xử; trình tự thủ tục tranh tụng tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định quan hệ pháp luật; xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; việc giao nộp chứng cứ; việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai đương sự; thời hạn chuẩn bị xét xử; thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thời hạn giao hồ sơ cho Viên kiểm sát đã thực hiện

đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37, 55, 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 6, 8 Điều 26, các điểm a, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử công nhận thuận tình ly hôn của nguyên đơn Vi Thị Thu H và bị đơn Lương Văn T.

Về con chung: Công nhận thỏa thuận giao con chung là cháu Lương Thị Thu G, sinh ngày 20/10/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Công nhận thỏa thuận của chị Vi Thị Thu H, anh Lương Văn T và chị Nguyễn Thị H1 về việc anh Lương Văn T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền còn nợ tại thời điểm mở phiên tòa (ngày 31/8/2021) là 300.000.000 đồng. Về án phí: Chị Vi Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, anh Lương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ về tài sản.

Nguyên đơn chị Vi Thị Thu H đã giao nộp chứng cứ cho Tòa án gồm: đơn khởi kiện; trích lục kết hôn (bản sao); trích lục khai sinh của cháu Lương Thị Hương G (bản sao); giấy chứng nhận thương tích; bảng lương, quyết định tuyển dụng, giấy xác nhận.

Bị đơn anh Lương Văn T đã giao nộp giấy tờ tùy thân của anh (bản photo), giấy vay tiền (bản photo) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có nhà riêng tại thôn N1, xã Y, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn, đi lại giữa hai nơi tuy nhiên cả hai cùng thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng giải quyết vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, nợ chung do vậy Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án vì có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị Thu H và anh Lương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung của vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ năm

2020, cả hai vợ chồng chị H, anh T đều thừa nhận có sự việc vợ chồng xảy ra cãi vã, to tiếng vào sáng ngày 02/12/2020 tại nhà riêng ở ngõ 1 thôn N1, xã Y, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn. Tại phiên tòa chị Vi Thị Thu H và anh Lương Văn T thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận của chị H và anh T là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của hai anh chị.

[4] Về con chung: Chị Vi Thị Thu H và anh Lương Văn T có 01 con chung là cháu Lương Thị Thu G, sinh ngày 20/10/2016, quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh T đều có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Tại phiên tòa chị H và anh T đã thỏa thuận chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Xét thấy chị Vi Thị Thu H có công việc ổn định, chứng minh được khả năng thu nhập có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh Lương Văn T không có công việc và thu nhập ổn định, do vậy chị H và anh T thỏa thuận để chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với điều kiện và đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ con nên cần được công nhận.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vi Thị Thu H yêu cầu bị đơn anh Lương Văn T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng tuy nhiên tại phiên tòa, chị Vi Thị Thu H không yêu cầu anh Lương Văn T phải cấp dưỡng, xét thấy việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Vi Thị Thu H là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: quá trình Tòa án giải quyết vụ án ly hôn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H1 có yêu cầu độc lập yêu cầu nguyên đơn chị Vi Thị Thu H và bị đơn anh Lương Văn T phải có trách nhiệm trả cho chị H1 số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng. Xét thấy việc vay nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, khi vay anh Lương Văn T là người ký giấy vay tiền tuy nhiên việc vay nợ chị Vi Thị Thu H có biết và mục đích vay tiền để hai vợ chồng mua đất. Nay chị Nguyễn Thị H1 yêu cầu hai vợ chồng phải có trách nhiệm trả nợ là có căn cứ, tuy nhiên tại phiên tòa, các bên đương sự cùng nhau thỏa thuận, thống nhất anh Lương Văn T sẽ có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị H1 toàn bộ số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), chị Vi Thị Thu H không phải chịu trách nhiệm đối với khoản nợ chung của hai vợ chồng. Xét thấy việc thỏa thuận của chị H, anh T, chị H1 là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[8] Về án phí: Do chị Vi Thị Thu H và anh Lương Văn T thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí. Nguyên đơn chị Vi Thị Thu H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, bị đơn anh Lương Văn T đồng ý nên được chấp nhận. Do yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H1 được chấp nhận nên người thực hiện nghĩa vụ về tài sản là bị đơn anh Lương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá

ngạch theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 6 Điều 26; các điểm a, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 53, các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 26, các điểm a, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị Thu H với anh Lương Văn T.

2. Về con chung: Công nhận thỏa thuận theo đó chị Vi Thị Thu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Thị Thu G, sinh ngày 20/10/2016 từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nợ chung: Công nhận thỏa thuận của các đương sự về việc anh Lương Văn T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Chị Vi Thị Thu H và anh Lương Văn T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Chị Vi Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ phần án phí của Lương Văn T, tổng cộng số tiền án phí chị Vi Thị Thu H phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Vi Thị Thu H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án AA/2016/0000478 ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Anh Lương Văn T phải chịu 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị H1 số tiền 9.450.000 đồng (chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án

số AA/2016/0000488 ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn.
- VKSND huyện Chi Lăng.
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND thị trấn Đ, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thế Khuynh**